

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13/9/2022
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Ông Nguyễn Văn Cho

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Mãi - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về "ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Mai Thiện Mỹ N**, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Mai Thiện Mỹ N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2015, chị và anh Nguyễn Văn B tìm hiểu, sau đó chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị và anh B chung sống được 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân do anh chị không hòa hợp nhau, suy nghĩ khác nhau và thường hay cự cãi. Mặc dù đã cho nhiều cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả, chị và anh B không thể cùng nhau xây dựng cuộc sống chung, từ năm 2016 đến nay mỗi người sống một nơi. Do đó, chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh B là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh B không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh B không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Quá trình chung sống, anh chị không hòa hợp nhau, suy nghĩ khác nhau và thường hay cự cãi, anh chị không tìm được tiếng nói chung, không thể cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình. Nay anh cũng thống nhất với yêu cầu của chị N yêu cầu Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị N không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị N không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị N yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh B là vợ chồng; về con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Còn bị đơn anh B thống nhất với yêu cầu của chị N, yêu cầu Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận chị N và anh B là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân, chị N và anh B tìm hiểu, sau đó chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2015 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, mặc dù đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Chị N và anh B thống nhất xác định trong quá trình chung sống anh chị có nhiều mâu thuẫn, suy nghĩ khác nhau và thường hay cự cãi. Anh chị cũng dành cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả, không khắc phục được mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, không thể cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình. Từ khi nộp đơn khởi kiện ly hôn đến nay anh chị đều không có ý định cùng nhau xây dựng gia đình, cả hai đều yêu cầu Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng. Xét thấy, chị N và anh B chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh B.

[3] Về con chung, anh chị xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí, nguyên đơn chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Thiện Mỹ N và anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Anh chị xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: chị N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0005489 ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh